

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 3- 2024

Về việc “Ly hôn và tranh chấp  
về nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Sơn Thị Hồng Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Trần Thanh Duyên
- Bà Trần Thị Sang

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Phúc Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Sơn Thị Sa N, sinh năm 1979 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Thạch Mà N1, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Trong đơn khởi kiện ngày 25 tháng 01 năm 2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Sơn Thị Sa N trình bày:

Về hôn nhân: Bà với ông Thạch M Nồ kết hôn vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống hạnh phúc được một thời gian. Thời gian đầu năm 2023 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Ông Thạch Ma N2 thường xuyên uống rượu bia về và dùng những lời lẽ chửi và có hành vi bạo lực với bà. Sự việc này cứ tiếp tục diễn ra nhiều lần

và ông **Ma N2** không chịu thay đổi. Nay bà không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông **Mà N1**.

Về con chung: 02 người con chung tên **Thạch Thị Cẩm H**, sinh ngày 17/7/2001 và **Thạch Thị Hồng C**, sinh ngày 06/3/2004. Hai người con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

*\* Tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông **Thạch Ma N2** có ý kiến trình bày và yêu cầu như sau:*

Về quan hệ hôn nhân đúng như bà **Sa N** trình bày, ông và bà **Sa N** tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C. Thời gian gần đây hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cự cãi và ông có dùng những lời lẽ chửi bà **N**, ông thừa nhận có dùng bạo lực với bà **Sa N**. Ngoài mâu thuẫn này ra thì vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Nay bà **Sa N** yêu cầu ly hôn, ông không đồng ý. Ông yêu cầu đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con chung.

Về con chung: 02 người con chung tên **Thạch Thị Cẩm H**, sinh ngày 17/7/2001 và **Thạch Thị Hồng C**, sinh ngày 06/3/2004. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, về nợ chung: không có

*- Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 48, 68, 70, 71, 72, 97, 177, 196, 203, 205, 208, 209, 210, 211, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nội dung vụ án: Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Son Thị Sa N**. Cho bà **Son Thị Sa N** được ly hôn với ông **Thạch Ma N2**. Con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết. Bà **Son Thị Sa N** có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật của vụ án: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, bị đơn ông Thạch M Nồ có nơi cư trú tại ấp G, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên xét xử vắng mặt nguyên đơn theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Sơn Thị Sa N và ông Thạch Mà N1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4] Quá trình chung sống với nhau giữa bà Sơn Thị Sa N và ông Thạch Ma N2 phát sinh mâu thuẫn. Theo lời trình bày của bà Sơn Thị Sa N, thời gian sau khi kết hôn, 02 vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2023, ông Mà N1 thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu bia, về nhà dùng những lời lẽ thô tục chửi bà và xúc phạm bà. Ông Mà N1 còn có hành vi bạo lực với bà. Bà cho ông Ma N2 nhiều lần cơ hội sửa đổi để hàn gắn cuộc sống gia đình nhưng ông Ma N2 không thay đổi. Do đó, nay bà Sa N không thể tiếp tục cuộc hôn nhân với ông Mà N1 nữa nên bà yêu cầu ly hôn với ông Mà N1.

Tại phiên tòa, ông Thạch Ma N2 thừa nhận hai vợ chồng thời gian gần đây thường xuyên cự cãi nhau. Ông có dùng những lời lẽ chửi bà Sa N như bà Sa N trình bày, những lúc nóng giận ông có đánh bà Sa N. Nay ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu đoàn tụ gia đình. Kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án và tiến hành hòa giải, Tòa án có hòa giải động viên bà Sa N và ông Mà N1 đoàn tụ gia đình nhưng bà Sa N cương quyết ly hôn vì đã cho ông M Nồ nhiều cơ hội sửa sai nhưng ông Mà N1 không thay đổi. Do vậy, việc trình bày của ông Ma N2 còn thương bà Sa N muốn hàn gắn tình cảm là không có cơ sở vì ông không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng của bà Sa N và ông Mà N1 không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy bà Sa N và ông Mà N1 ly hôn là có cơ sở.

[5] Về con chung: 02 người con chung tên Thạch Thị Cẩm H, sinh ngày 17/7/2001 và Thạch Thị Hồng C, sinh ngày 06/3/2004. Hiện tại 02 người con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Sơn Thị Sa N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét đề nghị của V đại diện viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: Bà Sơn Thị Sa N chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà **Son Thị Sa N**. Cho bà **Son Thị Sa N** được ly hôn với ông **Thạch Ma N2**.

Con chung: 02 người con chung tên **Thạch Thị Cẩm H**, sinh ngày 17/7/2001 và **Thạch Thị Hồng C**, sinh ngày 06/3/2004, đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà **Son Thị Sa N** và ông **Thạch Ma N2** khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Bà **Son Thị Sa N** chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà **Son Thị Sa N** đã nộp theo biên lai số 0000653 ngày 25/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Bà **Son Thị Sa N** không phải nộp thêm. Ông **Thạch Mà N1** không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Đa Lộc;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Son Thị Hồng Nhân**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Trường T – Trần Thị Sang**

**Sơn Thị Hồng Nhân**



**Sơn Thị Hồng Nhân**